

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng ứng dụng

Tên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

Mã số: 8850101

*(Ban hành kèm theo quyết định số 4189/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)*

1	Tên ngành đào tạo <i>(Tiếng Việt và Anh)</i>	Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Environment and Natural Resources Management</i>
2	Mã ngành	8850101
3	Đơn vị quản lý	Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Quản lý Tài nguyên và Môi trường
4.2	Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	<ul style="list-style-type: none">- Kinh tế tài nguyên thiên nhiên,- Quản lý đất đai,- Khoa học môi trường,- Kỹ thuật môi trường,- Sinh thái học,- Lâm sinh,- Kỹ thuật tài nguyên nước,- Kỹ thuật cấp thoát nước,- Quy hoạch vùng và đô thị,- Phát triển nông thôn,- Quản lý công nghiệp,- Công nghệ sinh học,- Các ngành có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
4.3	Yêu cầu chung	Tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (thuộc 6 ngôn ngữ quy định của thông tư 23/2021/TT-BGDĐT)
5	Mục tiêu đào tạo	<ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu đào tạo chung: Mục tiêu đào tạo chung của chương trình đào tạo là đào tạo thạc sĩ có năng lực chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng tri thức và công cụ hiện đại để triển khai và quản lý các giải pháp thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.- Mục tiêu đào tạo cụ thể:<ul style="list-style-type: none">a. Chương trình đào tạo trang bị nền tảng kiến thức hệ thống về chính sách, pháp luật và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, nhằm phục vụ cho việc phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường (PEO1).b. Chương trình đào tạo phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc rèn luyện kỹ năng tự học, khả năng cập nhật kiến thức

Handwritten signature

		<p>và ứng dụng các công nghệ, quy trình quản lý tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc năng động và hội nhập (PEO2).</p> <p>c. Chương trình đào tạo cung cấp các phương pháp, công cụ và kiến thức chuyên sâu giúp người tốt nghiệp lựa chọn, phân tích vấn đề môi trường, và ứng dụng năng lực số để tối ưu hóa, triển khai các giải pháp công nghệ – quản lý – phục hồi môi trường trong các bối cảnh cụ thể (PEO3).</p> <p>d. Chương trình đào tạo xây dựng nền tảng kiến thức và kỹ năng tổ chức – giám sát để người tốt nghiệp có thể tham gia thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến quản lý rủi ro, quản lý hệ sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức (PEO4).</p>
6	Chuẩn đầu ra	<i>Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng, người tốt nghiệp có khả năng:</i>
6.1	Kiến thức	<p>a. Phân tích được quy luật nền tảng của tự nhiên, xã hội trong mối liên hệ quản lý tài nguyên và môi trường (PLO1).</p> <p>b. Đánh giá và dự báo được các xu thế biến động của tài nguyên môi trường bằng GIS, viễn thám, mô hình hóa kết hợp với các kiến thức liên ngành (PLO2).</p> <p>c. Vận dụng được kiến thức chuyên môn trong quản lý tài nguyên và môi trường (PLO3).</p> <p>d. Phát triển được một đề án ứng dụng hoàn chỉnh trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường (PLO4).</p>
6.2	Kỹ năng	<p>a. Vận dụng được năng lực số và công cụ hiện đại để thu thập, xử lý, phân tích và mô hình hóa các dữ liệu phức hợp; từ đó thiết kế được các giải pháp công nghệ và quản lý vấn đề thực tiễn về tài nguyên và môi trường (PLO5).</p> <p>b. Kết hợp thành thạo kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ và làm việc nhóm trong thực hiện dự án tài nguyên và môi trường (PLO6).</p>
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	Thực hành thành thạo năng lực tự học, học tập suốt đời trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Kiến tạo được giải pháp trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn (PLO7).
6.4	Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp	<p><i>Sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu).</i></p> <p><i>Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.</i></p>
7	Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT	Chuyên gia, quản lý môi trường tại doanh nghiệp; Chuyên gia tư vấn môi trường tại các công ty dịch vụ, tư vấn độc lập về tài nguyên môi trường; Cán bộ quản lý nhà nước; Quản lý dự án phát triển cho các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế và các ban quản lý dự án liên quan đến biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững và sinh kế cộng đồng.
8	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp CTĐT	Tạo tiền đề thuận lợi cho việc học tập và nâng cao trình độ ở các cấp học và hình thức đào tạo cao hơn: tiếp tục học bậc tiến sĩ; tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu; nâng cao kỹ năng ứng dụng và quản lý các vấn đề môi trường trong thực tiễn

9	Cấu trúc chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức chung: 3 tín chỉ (Triết học) - Kiến thức khối ngành: 16 tín chỉ (8 bắt buộc; 8 tự chọn) - Kiến thức chuyên ngành: 26 tín chỉ (16 bắt buộc; 10 tự chọn) - Học phần thực tập và tốt nghiệp: 15 tín chỉ (15 bắt buộc)
10	Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; - Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; - Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; - Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học; - Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. - Các CTĐT trong nước và quốc tế: <ul style="list-style-type: none"> + CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của trường Đại học Thái Nguyên, Việt Nam - https://tuyensinh.tnus.edu.vn/academic/thac-si-quan-ly-tai-nguyen-va-moi-truong + CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam - https://ts.hust.edu.vn/training-cate/nganh-dao-cao-thac-si/quan-ly-tai-nguyen-va-moi-truong-natural-resources-and-environmental-management + CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý Môi trường (Environmental management) của trường Đại học Chulalongkorn (Chulalongkorn University), Thái Lan - https://hsm.chula.ac.th/website/programs/ + CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý Tài nguyên và Công nghệ Môi trường (Environmental Management and Technology) của trường Đại học Mahidol (Mahidol University), Thái Lan - https://en.mahidol.ac.th/index.php/curriculum/msc/mt
11	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành yêu cầu ở mục 4.2	<ul style="list-style-type: none"> - Số học phần: 03; tổng tín chỉ: 06 TC - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản đồ học và GIS: CN122, 2 TC 2. Thống kê phép thí nghiệm – MT: MT116, 2TC 3. Quản lý chất lượng môi trường: MT309, 2 TC
12	Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Đại học Cần Thơ hàng năm, với 3 hình thức có thể áp dụng: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển; Thi tuyển.

12.1	Môn thi tuyển sinh	- Quản lý môi trường - Xác suất thống kê - Ngoại ngữ
12.2	Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo chi tiết (*)

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Thời gian đào tạo:

- **Hệ chính quy:** 24 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 48 tháng
- **Hệ vừa học vừa làm:** 29 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 58 tháng

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP song hành	HK thực hiện
I. Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45	0		I, II, III
II. Phần kiến thức khối ngành									
2	CT888	Năng lực số A	2	x		15	30		I, II, III
3	MT698	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tài nguyên & Môi trường	2	x		30	0		I, II, III
4	MTQ602	Chính sách và chiến lược tài nguyên môi trường	2	x		20	20		I, II, III
5	MTQ625	Quan trắc môi trường	2	x		15	30		I, II, III
6	MTQ615	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường	2		x	30	0		I, II, III
7	MTQ601	Hệ thống thông tin môi trường, GIS và viễn thám	2		x	15	30		I, II, III
8	MT616	Mô hình hoá môi trường	2		x	20	20		I, II, III
9	MT699	Phép thí nghiệm và thống kê	2		x	15	30		I, II, III
10	KTN607	Kinh tế tài nguyên môi trường	2		x	20	20		I, II, III
11	MT667	Năng lượng và môi trường	2		x	20	20		I, II, III
<i>Cộng: 16 TC (số TC Bắt buộc: 8; số TC Tự chọn: 8)</i>									
III. Phần kiến thức chuyên ngành									
12	MTK607	Đánh giá môi trường chiến lược	2	x		20	20		I, II, III
13	MTQ606	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	x		20	20		I, II, III
14	MTQ609	Thẩm định và đánh giá công nghệ môi trường	2	x		20	20		I, II, III
15	MTQ618	Quản lý các hệ sinh thái	2	x		20	20		I, II, III
16	MTQ632	Kiểm soát ô nhiễm	2	x		20	20		I, II, III
17	MTQ605	Quản lý chất lượng môi trường đất, nước và không khí	2	x		15	30		I, II, III
18	MKT601	Ứng dụng công nghệ nano trong môi trường	2	x		20	20		I, II, III
19	MT686	An toàn, sức khỏe và môi trường	2	x		20	20		I, II, III

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP song hành	HK thực hiện
20	MTQ607	Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ	2		x	20	20		I, II, III
21	MTD605	Biến đổi khí hậu	2		x	30	0		I, II, III
22	MTQ634	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	2		x	20	20		I, II, III
23	MTK615	Suy thoái và phục hồi môi trường	2		x	20	20		I, II, III
24	MTQ630	Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	2		x	30			I, II, III
25	MTQ635	Độc chất học môi trường	3		x	45			I, II, III
26	MKH602	Phân tích và đánh giá hóa lý đất và nước	3		x	15	60		I, II, III
<i>Cộng: 26 TC (số TC Bắt buộc:16; số TC Tự chọn:10)</i>									
IV. Phần học phần thực tập và tốt nghiệp									
27	MTQ001	Đề án tốt nghiệp	9	x			270		I, II, III
28	MTQ002	Thực tập tốt nghiệp	6	x			180		I, II, III
<i>Cộng: 15 TC (số TC Bắt buộc:15)</i>									
Tổng cộng			60	42	18				

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐẠI HỌC CẦN THƠ
BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TNTN
TRƯỞNG KHOA

Trần Trung Tính

Trần Ngọc Hải

Nguyễn Văn Công